

Bản án số: 351/2021/HC-PT

Ngày 01 tháng 6 năm 2021.

V/v: “Khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

Ông Lê Hoàng Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 119/2021/TLPT-HC ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc: “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2020/HC-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 834/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Đào Duy T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 117, khu phố 7, thị trấn P, huyện G, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2020): Ông Đào Xuân N, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số 117, khu phố 7, thị trấn P, huyện G, tỉnh Bình Dương.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hùng D - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bình Dương. (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Ông Đào Xuân N là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Đào Duy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện của ông Đào Duy T và lời khai của người đại diện theo ủy quyền là ông Đào Xuân N trình bày:* Năm 1986 cha mẹ ông T là ông Đào Xuân N và bà Phạm Thị X khai hoang khu đất khoảng 3.000m², khu đất này là vành đai khu căn cứ của chế độ cũ. Lúc đó, khu đất bỏ hoang vẫn còn kìm gai, cọc sắt và cỏ mọc nên cha mẹ ông T đến khai hoang, có xin phép Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt UBND) huyện Đ, tỉnh S để xây dựng nhà máy xay xát lúa có giấy phép kinh doanh năm 1986, môn bài năm 1986. Đến năm 1995 cha mẹ ông chuyển sang nghề chế biến cà phê và mở quán bán cà phê cho đến nay.

Ông N có chia cho Đào Duy T một lô đất khoảng 444,8m² để xây dựng căn nhà 1 tầng cùng nhà tạm và công trình phụ trên đất. Ông T không khởi kiện quyết định thu hồi 444,8m² đất và hỗ trợ tái định cư cho ông 100m mà chỉ khởi kiện yêu cầu bồi thường giá trị 444,8m² đất chứ không đồng ý hỗ trợ về đất 48.000đồng/m². Nâng mức hỗ trợ về nhà ở từ 80% lên 100% theo đơn giá quy định đối với nhà một tầng diện tích 45,15m² thuộc công trình thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 217, Kho K9, Tiểu đoàn D60 tại thị trấn P, huyện G, tỉnh Bình Dương.

Do vậy, ông T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương hủy các quyết định: Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Duy T không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và không nâng mức bồi thường về nhà ở từ 80% lên 100%; Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 23/09/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết bác khiếu nại của ông Đào Duy T đối với quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G; Yêu cầu nâng giá bồi thường về đất theo quy định.

- *Tại bản tường trình của người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện G trình bày:* Khu đất bị giải tỏa của gia đình ông Đào Duy T có diện tích là 444,8m² thuộc một phần thửa đất số 01, 137, tờ bản đồ số 35, 36, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc diện giải tỏa trắng, nằm trong khu quy hoạch thu hồi đất giao cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn Đặc công 60 tại thị trấn P, huyện G. Khu đất có nguồn gốc là căn cứ của chế độ cũ được Quân đoàn 4 tiếp quản; năm 1982 Lữ đoàn 477 nhận bàn giao làm huấn luyện và tháng 11/1991 giao lại cho Trung đoàn BB271, Kho K9 và Tiểu đoàn Đặc công 60 quản lý, sử dụng.

Ông T yêu cầu hủy Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Duy T; nâng giá bồi thường về đất thu hồi là không có cơ sở. Vì nguồn gốc đất gia đình ông T sử dụng là đất quốc phòng, do cha của ông T sử dụng từ năm 1986, đến năm

2006 cho ông T sử dụng đến nay. Việc sử dụng đất này không phù hợp quy hoạch sử dụng đất, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đủ điều kiện bồi thường về đất, được hỗ trợ về đất với giá 48.000đồng/m² theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện G tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015.

Việc ông T có nộp thuế sử dụng đất ở cho cơ quan Nhà nước là thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước khi sử dụng đất làm nhà ở theo quy định tại Điều 4, Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2010, quy định người nộp thuế “Trường hợp hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... thì người đang sử dụng đất là người nộp thuế”.

Về căn cứ hỗ trợ thu hồi đất với giá 48.000đồng/m²: UBND huyện căn cứ Điều 36 Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Bình Dương ban hành quy định về chính sách, trình tự, thủ tục bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương và mức hỗ trợ về đất có nguồn gốc đất quốc phòng của các công trình có thu hồi đất tương tự trước đó (công trình mở rộng khu tái định cư khu phố 7), tổ chức họp Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện thống nhất hỗ trợ về đất với giá là 48.000 đồng/m² cho các hộ dân bị giải tỏa.

Từ nội dung nêu trên, UBND huyện G không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Đào Duy T trú tại khu phố 7, thị trấn P, huyện G. Trên đây là ý kiến của UBND huyện G đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đào Duy T. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Duy T.

- *Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương trình bày:* Ông Đào Duy T khiếu nại yêu cầu nâng giá bồi thường, hỗ trợ về đất và nâng tỷ lệ bồi thường từ 30% lên 80% đối với 02 căn nhà tạm C (diện tích 14,44m² và 08m²) thuộc Công trình thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60 tại thị trấn P, huyện G.

Ngày 12/12/2018, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 187/QĐ- UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Đào Duy T. Không đồng ý với kết quả giải quyết trên, ông Đào Duy T khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương. Kết quả thẩm tra, xác minh đơn khiếu nại:

- Ngày 26/11/2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3033/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60 và UBND huyện G tại thị trấn P, huyện G, tỉnh Bình Dương. Tại Điều 2 Quyết định nêu: UBND huyện G có trách nhiệm bồi thường, giải tỏa diện tích 187.557m² hiện các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng bàn giao đất quốc phòng.

- Ngày 16/3/2015, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án hỗ trợ, đền bù Công trình bồi thường, giải tỏa khu đất giao Trung đoàn 271, huyện G, tỉnh Bình Dương.

Ngày 09/12/2015, UBND huyện G ban hành Quyết định số 896/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện G để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng (trong đó có hộ ông Đào Duy T).

Ngày 10/12/2015, UBND huyện G ban hành Quyết định 603/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60. Căn cứ đề xây dựng Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Công trình, gồm: Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh quy định trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, theo đó: Không bồi thường, chỉ hỗ trợ về đất 48.000 đồng/m²; hỗ trợ nhà ở: Nhà ở xây dựng trước ngày 01/7/2004 được hỗ trợ 80%, xây dựng sau ngày 01/7/2004 được hỗ trợ 30%, kể cả 10 trường hợp có quyết định xử phạt vi phạm hành chính (theo điểm b, c khoản 1 Điều 3 Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi).

Tại Biên bản làm việc ngày 24/01/2018 của Thanh tra tỉnh, ông Đào Xuân N đại diện ông Đào Duy T trình bày: Năm 1986, ông Đào Xuân N khai hoang khu đất có diện tích khoảng 3.000m² tại khu phố 7 (trước đây là khu phố 2), thị trấn P, huyện G. Ông Đào Xuân N cất nhà ở và đặt máy xay lúa để phục vụ cho người dân sinh sống ở khu vực ấp 4, ấp 5, ấp 6 xã P (có Giấy phép kinh doanh do UBND tỉnh S cấp năm 1986). Từ năm 1999 đến năm 2000, ông Đào Xuân N chuyển qua làm nghề chế biến cà phê và mở quán buôn bán nước giải khát (có Giấy môn bài năm 2001, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh năm 2000). Năm 2004, ông Đào Xuân N ngừng buôn bán và cho bà Nguyễn Thị Mai L thuê lại mặt bằng và căn nhà để buôn bán nước giải khát. Đến năm 2005, hết thời hạn thuê nhà, bà L chuyển đi nơi khác sinh sống, ông Đào Xuân N tiếp tục sử dụng đất và căn nhà để buôn bán nước giải khát cho đến nay.

Quá trình sử dụng, ông Đào Xuân N có kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được cấp (Văn bản của Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 đối với phần diện tích 1989 thuộc thửa đất 137, tờ bản đồ số 35). Năm 2006, ông Đào Xuân N cho con là ông Đào Duy T một phần đất có diện tích 444,8m², thuộc một phần thửa đất số 01, 137, tờ bản đồ số 35, 36 thị trấn P. Trên đất có căn nhà tạm B (diện tích 49,50m²), nhà 01 tầng cột gạch (diện tích 45,15m²) do ông Đào Xuân N xây dựng từ năm 1986 và 02 nhà tạm C (diện tích 14,44m² và 08m²). Hiện gia đình ông Đào Duy T sinh sống ổn định tại khu đất, có thực hiện nghĩa vụ đóng tiền sử dụng đất, việc kinh doanh buôn bán đều được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chấp hành tốt các chính sách pháp luật tại địa phương.

- Tại Biên bản làm việc ngày 23/01/2018 của Thanh tra tỉnh với UBND huyện G, cho thấy: Khu đất ông Đào Duy T được cha là ông Đào Xuân N tặng

cho năm 2006, có nguồn gốc là căn cứ của chế độ cũ được Quân đoàn 4 tiếp quản. Năm 1982, Lữ đoàn 477 nhận bàn giao làm huấn luyện và tháng 11/1991 giao lại cho Trung Đoàn BB271, Kho K9 và Tiểu đoàn Đặc công 60 quản lý, sử dụng. Do đó khi Nhà nước thu hồi đất, ông Đào Duy T không được bồi thường về đất mà chỉ được xem xét hỗ trợ với đơn giá 48.000đồng/m² đối với nhà 01 tầng và nhà tạm B xây dựng trước ngày 01/7/2004 nên được xem xét hỗ trợ bằng 80% đơn giá xây dựng; 02 nhà tạm C xây dựng sau ngày 01/7/2004 nên được xem xét hỗ trợ bằng 30% đơn giá xây dựng, là đúng theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được UBND huyện G phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015.

- Ngày 10/12/2014, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện G tiến hành kiểm kê hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Đào Duy T (Biên bản số 72/BB-KK), theo đó xác định: Phần diện tích đất bị giải tỏa là 444,8m² (trên đất có nhà tạm B, nhà 1 tầng, nhà tạm C, một số công trình phụ và cây trồng, hoa màu), thuộc một phần thửa đất số 01, 137, tờ bản đồ số 35, 36 tại thị trấn P.

Ngày 24/11/2015 và ngày 31/8/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện G lập Bảng tổng hợp chi phí bồi thường, hỗ trợ cho ông Đào Duy T, với tổng số tiền là 209.132.680 đồng. Cụ thể:

+ Đất nông nghiệp: $444,8\text{m}^2 \times 48.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 21.350.400$ đồng.

+ Nhà 1 tầng: $45,15\text{m}^2 \times 2.910.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 80\% = 105.109.200$ đồng.

+ Nhà tạm B: $49,5\text{m}^2 \times 710.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 80\% = 28.116.000$ đồng.

(Nhà ở và công trình phụ được hỗ trợ tỷ lệ 80% do xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường nhưng thời điểm xây dựng trước ngày 01/7/2004)

+ Nhà tạm C: $14,44\text{m}^2 \times 420.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 30\% = 1.819.440$ đồng.

+ Nhà tạm C: $08\text{m}^2 \times 420.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 30\% = 1.008.000$ đồng.

(Nhà ở và công trình phụ được hỗ trợ tỷ lệ 30% do xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường nhưng thời điểm xây dựng sau ngày 01/7/2004)

+ Công trình phụ: 44.112.140 đồng.

+ Hoa màu: 7.617.500 đồng.

+ Hỗ trợ tái định cư: bố trí 01 lô đất tái định cư diện tích 100m² tại khu phố 7, thị trấn P.

Việc ông Đào Duy T khiếu nại Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G là không có cơ sở xem xét, giải quyết, bởi vì: Phần đất diện tích 444,8m² mà ông Đào Duy T đang khiếu nại thuộc khu đất thửa đất số 137, tờ bản đồ số 35 và một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 36 (ông T được cha là ông Đào Xuân N tặng cho đất năm 2006), có nguồn gốc là đất quốc phòng, bị các hộ dân xâm canh chiếm dụng. Phần đất này hiện nay nằm trong phạm vi giải tỏa, thu hồi đất để giao cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn Đặc công 60 tại thị trấn P, huyện G. Quá trình sử dụng đất, ông Đào Xuân N (cha ông Đào Duy T) có thực hiện việc kê khai, đăng ký diện tích đất

1.989m², thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 35 tại Sổ mục kê năm 2000 và được Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã P xác nhận năm 2001; Tuy nhiên, hai loại giấy tờ trên không thuộc các loại giấy tờ làm cơ sở cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, ông Đào Xuân N không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất trên do không đủ điều kiện để Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

Đối với căn nhà 01 tầng diện tích 45,15m² do ông Đào Xuân N xây dựng từ năm 1986 và đến năm 2006 giao lại cho ông Đào Duy T sử dụng. Căn cứ phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được UBND huyện G phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015, thì việc UBND huyện G hỗ trợ theo tỷ lệ 80% đơn giá quy định đối với căn nhà nói trên cho ông Đào Duy T, là phù hợp quy định pháp luật (xây dựng trước ngày 01/7/2004). Trường hợp của ông Đào Duy T (được ông Đào Xuân N tặng cho đất năm 2006) không đủ điều kiện để được bồi thường về nhà, đất. Việc UBND huyện G hỗ trợ 48.000đồng/m²đối với đất; hỗ trợ 80% đơn giá xây dựng đối với nhà 01 tầng và nhà tạm B; 30% đơn giá xây dựng đối với 02 nhà tạm C, hỗ trợ 01 lô đất tái định cư cho ông Đào Duy T, là đúng theo phương án đã được phê duyệt nhằm hỗ trợ cho người dân ổn định cuộc sống.

Từ những cơ sở pháp lý và nội dung nêu trên, việc Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Đào Duy T tại Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 là đúng quy định pháp luật. Đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 23/9/2019. Đồng thời, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử bác đơn khởi kiện của ông Đào Duy T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 45/2020/HC-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 164, 193 và 194 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đào Duy T đối với các yêu cầu sau:

1. Hủy Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T (lần đầu).

2. Hủy Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T khiếu nại Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về đình chỉ giải quyết việc nâng giá bồi thường về đất của Đào Duy T; về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19/11/2020 ông Đào Xuân N đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Đào Duy T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm bồi thường về đất theo quy định của pháp luật và bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người khởi kiện ông Đào Duy T có ông Đào Xuân N làm đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm bồi thường về đất theo quy định của pháp luật và bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất.

- Người bị kiện vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Đào Xuân N là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Đào Duy T hợp lệ, trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người bị kiện có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định hành chính số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T (lần đầu) và Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T khiếu nại Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 32, 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khiếu kiện:

[4.1.] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định bị khiếu kiện:

Xét Quyết định hành chính số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T (lần đầu) và Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T khiếu nại Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G ban hành là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[4.2.] Về căn cứ ban hành quyết định:

Xét nguồn gốc đất diện tích 444,8m² đất thuộc một phần thửa đất số 01, 137 tờ bản đồ số 35, 36 tọa lạc tại tổ 3, khu phố 7, thị trấn P, huyện G, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc là căn cứ quân sự của chế độ cũ để lại được Lữ đoàn 477 tiếp quản đất quân sự và có văn bản trình UBND tỉnh S cấp đất để huấn luyện và phòng thủ khu vực. Ngày 12/03/1983 UBND tỉnh S cấp giấy phép sử dụng đất cho Bộ tư lệnh Quân khu 7, tọa lạc tại xã P, huyện Đ, tỉnh S để xây dựng doanh trại quân đội. Năm 1986 có gia đình ông Đào Xuân N và một số hộ dân khác đến lần chiếm sử dụng.

Ngày 15/7/1997 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 535/TTg-m phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng do quân đội quản lý trên địa bàn Quân khu 7. Ngày 26/11/2013 UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 3033/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60 và UBND huyện G tại thị trấn P, huyện G, tỉnh Bình Dương; UBND huyện G có trách nhiệm bồi thường, giải tỏa diện tích 187.557m² hiện các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng bàn giao đất quốc phòng. Ngày 16/3/2015, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án hỗ trợ, đền bù Công trình bồi thường, giải tỏa khu đất giao Trung đoàn 271, huyện G, tỉnh Bình Dương. Ngày 09/12/2015, UBND huyện G ban hành Quyết định số 896/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện G để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng (trong đó có hộ ông Đào Xuân N). Ngày 10/12/2015, UBND huyện G ban hành Quyết định số 603/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60 tại thị trấn P, huyện G.

Như vậy có căn cứ xác định phần đất 444,8m² đất của ông T có nguồn gốc là đất quốc phòng. Mặc dù cha ông T là ông Đào Xuân N có sử dụng để cất nhà để ở từ năm 1986 và có thực hiện việc kê khai, đăng ký trong Sổ mục kê năm 2000 và được Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã P xác nhận năm 2001, nhưng ông N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2006 ông N cho ông T sử dụng đến nay và ông T cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 444,8m² và cũng không đủ cơ sở để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100

Luật Đất đai năm 2013. Do đó không đủ điều kiện để được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 82 Luật đất đai năm 2013 và theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện G.

Do không đủ điều kiện được bồi thường về đất nên ông T được UBND huyện G hỗ trợ về đất với giá 48.000đồng/m² đối với đất; hỗ trợ 80% đơn giá xây dựng đối với nhà 01 tầng và nhà tạm B; 30% đơn giá xây dựng đối với 02 nhà tạm C, hỗ trợ 01 lô đất tái định cư cho ông Đào Duy T, là đúng theo phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015.

Bà Thơ khiếu nại yêu cầu nâng giá bồi thường, hỗ trợ về đất và nâng tỷ lệ bồi thường từ 30% lên 80% đối với 04 căn nhà tạm C với tổng diện tích 22,96m² xây dựng năm 2006 là chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND và điểm b.1 khoản 3 mục II Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thu hồi đất giao cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn Đặc công 60 tại thị trấn P, được UBND huyện G phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015. Do đó Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 bác đơn khiếu nại của bà Thơ là có căn cứ.

Theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện về nguồn gốc đất: Năm 1982, Lữ đoàn 477 tiếp quản đất quân sự của chế độ cũ để lại và có văn bản trình UBND tỉnh S cấp đất để huấn luyện và phòng thủ khu vực. Ngày 12/03/1983 UBND tỉnh S cấp giấy phép sử dụng đất cho Bộ tư lệnh Quân khu 7, tọa lạc tại xã P, huyện Đ, tỉnh S để xây dựng doanh trại quân đội, Lữ đoàn 477 đã yêu cầu người dân tự giải tỏa, di dời trả lại đất, tại thời điểm đó tất cả các hộ dân đã chấp hành di dời trả lại đất, không còn hộ dân nào trên khu đất bị giải tỏa. Năm 1986 có gia đình ông Đào Xuân N, gia đình bà Nguyễn Thị Khuya và một số hộ dân khác đến lấn chiếm sử dụng cho đến nay. Phần đất của ông T sử dụng thuộc một phần diện tích đất do quân đội quản lý theo giấy phép sử dụng đất số 04 ngày 12/3/1983 của UBND tỉnh S (nay là tỉnh Bình Dương) giao đất cho Bộ Tư lệnh Quân khu 7 xây dựng doanh trại quân đội. Sau khi Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 535/TTg-m ngày 15/7/1997 phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng do quân đội quản lý trên địa bàn Quân khu 7.

Ngày 26/11/2013, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3033/QĐUBND về việc thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60 và UBND huyện G tại thị trấn P, huyện G, tỉnh Bình Dương. Tại Điều 2 Quyết định nêu: UBND huyện G có trách nhiệm bồi thường, giải tỏa diện tích 187.557m² hiện các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng bàn giao đất quốc phòng.

Ngày 16/3/2015, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án hỗ trợ, đền bù Công trình bồi thường, giải tỏa khu đất giao Trung đoàn 271, huyện G, tỉnh Bình Dương.

Ngày 09/12/2015, UBND huyện G ban hành Quyết định số 896/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 147 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn P, huyện G để sử dụng vào mục đích đất quốc phòng (trong đó có hộ ông Đào Xuân N).

Ngày 10/12/2015, UBND huyện G ban hành Quyết định số 603/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thu hồi đất, giao đất cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn đặc công 60 tại thị trấn P, huyện G.

Như vậy có căn cứ xác định phần đất 444,8m² đất của ông T có nguồn gốc là đất quốc phòng do cha của ông T là ông N khai phá, sử dụng cất nhà để ở từ năm 1986. Mặc dù ông N có thực hiện việc kê khai, đăng ký trong Sổ mục kê năm 2000 và được Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã P xác nhận năm 2001 nhưng ông N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2006 ông N cho ông T sử dụng đến nay và ông T cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không đủ cơ sở để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Do đó không đủ điều kiện để được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 82 Luật đất đai năm 2013 và theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện G.

Do không đủ điều kiện được bồi thường về đất nên ông T được UBND huyện G hỗ trợ về đất với giá 48.000đồng/m² đối với đất; hỗ trợ 80% đơn giá xây dựng đối với nhà 01 tầng và nhà tạm B; 30% đơn giá xây dựng đối với 02 nhà tạm C, hỗ trợ 01 lô đất tái định cư cho ông Đào Duy T, là đúng theo phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015.

Ông Đào Duy T khiếu nại yêu cầu nâng giá bồi thường, hỗ trợ về đất và nâng tỷ lệ bồi thường từ 30% lên 80% đối với 02 căn nhà tạm C diện tích 14,44m² và 08m² là chưa phù hợp với phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình thu hồi đất giao cho Trung đoàn 271, Kho K9, Tiểu đoàn Đặc công 60 tại thị trấn P, được UBND huyện G phê duyệt tại Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 và quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND Ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh Bình Dương quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. Do đó Chủ tịch UBND huyện G giải quyết bằng Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 bác đơn khiếu nại của ông T.

Ông T khiếu nại Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số: 2736/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 bác đơn khiếu nại của Toàn là đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đào Xuân N là đại diện theo ủy quyền của ông Đào Duy T yêu cầu hủy Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại của ông Đào Duy T và Quyết định số: 2736/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 bác đơn khiếu

nại của ông Đào Duy T đối với Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G để bồi thường về đất bị thu hồi và bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất là chưa có căn cứ để chấp nhận.

Do đó, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của ông N đại diện theo ủy quyền của ông T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm: Bác yêu cầu của ông Đào Duy T yêu cầu hủy Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T (lần đầu) và Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T khiếu nại Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết việc nâng giá bồi thường về đất của ông Đào Duy T; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Xuân N là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Đào Duy T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 45/2020/HC-ST ngày 05/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Áp dụng khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 164, 193 và 194 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu của ông Đào Duy T yêu cầu hủy Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy T (lần đầu) và Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu

nại của ông Đào Duy T khiếu nại Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện G.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đào Duy T phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai thu số 0044849 ngày 01/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. Đương sự đã nộp đủ án phí.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết việc nâng giá bồi thường về đất của ông Đào Duy T; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thúy Hồng